

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 29/2018/DS-ST

Ngày 28-11-2018

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Thắng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Ben Êban và ông Nguyễn Văn Mạnh
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2018/TLST-DS, ngày 06 tháng 8 năm 2018, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST-DS ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thế K – *Có mặt.*
Trú tại: thôn B, xã EM, huyện CM, tỉnh ĐL.
- *Đồng bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L
Cùng trú tại: thôn A, xã M, huyện CM, tỉnh ĐL. (đều vắng mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị T – *Vắng mặt.*
Trú tại: thôn B, xã EM, huyện CM, tỉnh ĐL.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai ông Phạm Thế K trình bày:*

Ngày 01/12/2016 ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L có nợ tôi tiền phân và tiền vay với số tiền tổng cộng là 51.000.000đ và có thỏa thuận lãi suất

1,5%/tháng. Ngày 14/3/2017 ông N và bà L có trả lãi cho tôi số tiền 10.000.000đ và ngày 20/3/2018 ông N và bà L trả trả cho tôi số tiền gốc 10.000.000đ. Tôi đã đòi nhiều lần yêu cầu ông N và bà L trả nợ nhưng ông N, bà L cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác không trả cho tôi.

Vậy tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar buộc ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L phải trả đủ số tiền gốc 41.000.000đ và lãi 15.000.000đ.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:*

Năm 2015 tôi có mua phân đầu tư của nhà Đại lý K T để về bỏ phân Cà phê và Tiêu trong gia đình, số tiền tính đến ngày 01/12/2016 là 51.000.000đ khi mua bán phân với nhau thì cũng có thỏa thuận là lãi suất 1,5%/tháng. Tuy nhiên, số tiền nay tôi đã trả được 2 lần mỗi lần 10.000.000 vào các ngày 14/3/2017 và ngày 18/01/2018 (âm lịch). Do phân bón không đảm bảo chất lượng nên phân bỏ vào Cà phê và Tiêu bị hư hỏng nên gia đình tôi đã nhờ bỏ số Cà phê và Tiêu mà gia đình tôi đã mua phân của đại lý K T. Số tiền còn lại tôi nợ vợ chồng bà T, ông K là 31.000.000đ. Ông K yêu cầu tôi phải trả số tiền gốc 41.000.000đ và lãi 15.000.000đ thì tôi không đồng ý.

** Đối với bà Bùi Thị L:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Cư Mgar đã thực hiện việc tổng đạt, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định về việc đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà L thông qua chồng bà là ông Nguyễn Thành N. Tuy nhiên, ông N, bà L không tham gia tố tụng, không có văn bản phản hồi nên không có được lời khai hoặc ý kiến của họ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày:

Vợ chồng tôi làm đại lý phân bón nên có cho ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L mua phân nợ. Vào ngày 01/12/2016 giữa chúng tôi có chốt sổ lại thì ông N và bà L còn nợ của vợ chồng chúng tôi số tiền là 51.000.000đ và có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Vào ngày 14/3/2017 ông Nhân có mang xuống trả cho tôi số tiền 10.000.000đ lãi và ngày 20/3/2018 ông nhân trả 10.000.000đ tiền gốc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 195; Điều 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự:*

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng bị đơn: không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ pháp luật tranh chấp đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản quy định tại điều Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc mua bán phân giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Bên mua đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Căn cứ các Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà ông Phạm Thế K số tiền nợ gốc là 41.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật, trừ đi số tiền 10.000.000đ mà ông Nguyễn Thành N đã trả.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Xét thấy các bên có lập giấy chốt nợ vào ngày 01/12/2016 là hoàn toàn tự nguyện, các bên có chốt nợ và trả tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa ông Phạm Thế K và ông Nguyễn Thành N, bà Bùi Thị L tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản mua bán Phân bón.

Ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L có hộ khẩu tại xã E M, huyện C M, tỉnh ĐL. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] *Về nội dung vụ án:* Ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L có mua bán phân bón của ông Phạm Thế K và bà Phạm Thị T nhiều lần nên vào ngày 01/12/2016 thì các bên có chốt sổ với nhau số tiền còn lại là 51.000.000đ và thỏa

thuận lãi suất bằng miệng là 1,5%/tháng. Do vợ chồng ông N và bà L mới trả được 10.000.000đ tiền lãi và 10.000.000đ tiền gốc. Do ông N, bà L không tiếp tục thực hiện trả nợ nên ông K đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ông N, bà L trả số tiền 41.000.000đ tiền gốc và tiền lãi là 15.000.000đ.

Tại phiên tòa ông Phạm Thế K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà L trả số tiền 41.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông N cũng thừa nhận gia đình ông có mua phân của đại lý K T nên vào ngày 01/12/2016 giữa ông và ông K, bà T có chốt số tiền mua phân còn lại là 51.000.000đ nhưng ông đã trả được 20.000.000đ còn lại là 31.000.000đ. Tuy nhiên, trong giấy chốt nợ thì vào ngày 14/3/2017 ông N có ký nhận đã trả 10.000.000đ là tiền lãi phân nên Hội đồng xét xử không chấp nhận số tiền này được trừ vào số tiền gốc mà chỉ chấp nhận số tiền 10.000.000đ ông N đã trả cho đại lý K T không được ghi vào giấy chốt nợ phân đã được các bên thừa nhận. Ngoài ra ông N cho rằng đại lý K T bán phân cho gia đình ông không đảm bảo chất lượng làm cho gia đình ông bị mất mùa không trả được cho đại lý K T. Tuy nhiên, ông N không cung cấp được các chứng cứ về việc phân bón của đại lý K T không đảm bảo chất lượng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, việc ông Nguyễn Thành N ký kết chốt nợ mua phân với số tiền 51.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ Luật dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Thành N, bà Bùi Thị L mới trả được số tiền gốc là 10.000.000đ và không tiếp tục thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua, được quy định tại Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Thành N, bà Bùi Thị L có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông K, bà T số tiền nợ gốc là 41.000.000đ theo quy định của pháp luật.

[3] *Về lãi suất*: Do các bên đều thừa nhận có thỏa thuận lãi bằng miệng với nhau là 1,5/tháng, xét việc thỏa thuận lãi suất trên là hợp pháp với quy định của pháp luật. Ông N đã trả nợ cho bà T và ông K số tiền 10.000.000đ tiền gốc, tuy nhiên không ký vào giấy chốt nợ nên không xác định được thời gian trả nợ và ông N không hợp tác để tiến hành đối chất nên Hội đồng xét xử xác định thời gian mà các nguyên đơn thừa nhận ngày nhận số tiền gốc 10.000.000đ là ngày 20/3/2018 để tính lãi suất:

- Tiền lãi tính từ ngày 01/12/2016 (*ngày ký kết giấy nợ*) đến ngày 20/3/2017 (*ngày ông Nhân trả 10.000.000đ gốc*) là 475 ngày:

$$51.000.000 \text{ đ} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 475 \text{ ngày} = 9.955.490 \text{ đồng}$$

- Tiền lãi tính từ ngày 21/3/2017 (*sau ngày trả 10.000.000đ gốc*) đến ngày 28/11/2018 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 248 ngày:

$$41.000.000 \text{ đ} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 248 \text{ ngày} = 4.178.630 \text{ đồng}$$

Tổng cộng tiền lãi: $9.955.490đ + 4.178.630đ = 14.134.109đ$

Do ông N, bà L đã trả cho ông K, T số tiền 10.000.000đ nên cần trừ đi số tiền lãi trên:

$14.134.109đ - 10.000.000đ = 4.134.109đ$ (làm tròn 4.134.000đ)

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phạm Thế K không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đồng bị đơn ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L phải liên đới nộp số tiền 2.256.700đ (2.256.000đ làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 280; Điều 288; Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thế K.

Buộc ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L phải liên đới trả cho ông Phạm Thế K và bà Phạm Thị T số tiền là 45.134.000đ (bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi bốn ngàn đồng) trong đó nợ gốc là 41.000.000đ, nợ lãi là 4.134.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Hoàn trả lại cho ông Phạm Thế K khoản tiền tạm ứng đã nộp là 1.400.000đ, theo biên lai số AA/2017/0006737, ngày 01/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Thị L phải liên đới chịu số tiền 2.256.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đồng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- CCTHA huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Ngọc Thắng

THÀNH VIÊN ĐỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA